Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8404.90.29

Mã HS	8404.90.29
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phụ trợ dùng cho các loại nồi hơi thuộc nhóm 84.02 hoặc 84.03 (ví dụ, bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, máy cạo rửa nồi hơi, thiết bị thu hồi chất khí); thiết bị ngưng tụ dùng cho các tổ máy động lực hơi nước hoặc hơi khác / - Bộ phận: / - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8404.10.20: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:22:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84049029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12856
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12856
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12856
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12130
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12073
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12073
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12073
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12073
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12073
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12073
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12125
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12125
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12125
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12125

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12125
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12125
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12126
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12126
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12126
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12126
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12126
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12126
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12129
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12079
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12085
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12085
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12085
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12085
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12085
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12085
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12118
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12118
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12118
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12118
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12118
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12118
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12163
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12163
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12163
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12163

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12163
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12163
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12148
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12148
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12148
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12148
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12148
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12148
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12148
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12148
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12148
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12148
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12148
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12148
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12165
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12165
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12165
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12165
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12165
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12165
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12164
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12164
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12164
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12164
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12164
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12164

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12111
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12111
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12111
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12111
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12111
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12111
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12111
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12148
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12148
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12148
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12148
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12148
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12148
RCEP B	2022	2022	0	B!D12148
RCEP B	2023	2023	0	B!E12148
RCEP B	2024	2024	0	B!F12148
RCEP B	2025	2025	0	B!G12148
RCEP B	2026	2026	0	B!H12148
RCEP B	2027	2027	0	B!I12148
RCEP C	2022	2022	0	C!D12148
RCEP C	2023	2023	0	C!E12148
RCEP C	2024	2024	0	C!F12148
RCEP C	2025	2025	0	C!G12148
RCEP C	2026	2026	0	C!H12148
RCEP C	2027	2027	0	C!I12148
RCEP D	2022	2022	0	D!D12147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12147
RCEP D	2024	2024	0	D!F12147
RCEP D	2025	2025	0	D!G12147
RCEP D	2026	2026	0	D!H12147
RCEP D	2027	2027	0	D!I12147
RCEP E	2022	2022	0	E!D12151
RCEP E	2023	2023	0	E!E12151
RCEP E	2024	2024	0	E!F12151
RCEP E	2025	2025	0	E!G12151
RCEP E	2026	2026	0	E!H12151
RCEP E	2027	2027	0	E!I12151
RCEP F	2022	2022	0	F!D12148
RCEP F	2023	2023	0	F!E12148
RCEP F	2024	2024	0	F!F12148
RCEP F	2025	2025	0	F!G12148
RCEP F	2026	2026	0	F!H12148
RCEP F	2027	2027	0	F!I12148
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11232
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11232
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11232
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11232

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8404.90 có 5 dòng thuế; dòng 8404.90.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8404.90.11 Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN); 8404.90.19 Loại khác; 8404.90.21 Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN); 8404.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8404.90.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8404.90.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12856), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.